

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 13 – 02 -2025

“V/v Tranh chấp vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Công Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 244/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 02/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị Huyền D, sinh năm 1980. Cùng trú tại địa chỉ: Khu phố B, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Bùi Xuân T trình bày: Tôi và vợ chồng ông Nguyễn Bá T1 và bà Đinh Thị Huyền D là bạn bè học chung. Do vợ chồng T1, D khó khăn nên tôi cho mượn tiền, mượn nhiều lần bằng tiền mặt hoặc tôi chuyển khoản qua cho vợ chồng T1, Diệu mượn, số tiền thực tế mượn là hơn 100 triệu đồng. Tuy nhiên, trên giấy tờ thì cụ thể bà D, ông T1 mượn số tiền 14.000.000 đồng (không rõ ngày nhưng nhớ là trước ngày mượn 40.000.000 đồng khoảng 1 tuần), ngày 05/11/2023 thì vợ chồng bà D, ông T1 mượn 40.000.000 đồng, ngày 09/1/2024 âm lịch mượn 5.000.000 đồng. Tất cả số tiền 59.000.000 đồng đều là tiền mặt tôi đem đến tận nhà ông T1, bà D cho mượn. Còn lại số tiền chuyển khoản không có giấy tờ chứng minh ông T1, bà D

mượn tiền nên tôi không khởi kiện, chỉ yêu cầu bà D, ông T1 trả số tiền nợ gốc 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tôi đã liên hệ nhiều lần nhưng vợ chồng bị đơn không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Bị đơn Nguyễn Bá T1, Đinh Thị Huyền D vắng mặt nên không có trình bày:**

*Tại biên bản xác minh tại Công an phường P, thành phố T xác định: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Đinh Thị Huyền D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố B, P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện ông T1, bà D đang có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D phải trả số tiền 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 59.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Bùi Xuân T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D trả nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D có địa chỉ thường trú tại Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa mở lần 2. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn trình bày cho vợ chồng bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D mượn tiền nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, số tiền mượn hơn 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo nội dung các giấy mượn tiền thì số tiền là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), cụ thể: số tiền 14.000.000 đồng (ngày không rõ), số tiền 40.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 05/11/2023, số tiền 5.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/01/2024 âm lịch. Bà Đinh Thị Huyền D là người viết giấy mượn tiền. Bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D không trả nợ nên ông T khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét thỏa thuận nợ tại các bản gốc do nguyên đơn cung cấp có ghi rõ họ tên của người mượn tiền, số tiền mượn nhưng không rõ thời gian trả nợ. Nguyên đơn xác định chỉ cho mượn tiền, nhưng vợ chồng bị đơn T1, D không chịu trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc, không tính lãi. Do đó, xác định là hợp đồng vay không có kỳ hạn quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Bị đơn T1 và D được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến toà trình bày ý kiến nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn T1, D phải trả số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng.

[5] Lãi của khoản tiền 59.000.000 đồng: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bùi Xuân T; buộc bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Bá T1 và Đinh Thị Huyền D phải chịu 2.950.000 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Bùi Xuân T số tiền 1.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002896 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên